

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2940 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt thiết kế, dự toán
Công trình: Trồng và chăm sóc rừng trồng thay thế năm 2023
Đơn vị: Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định 4854/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt, kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4857/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh suất đầu tư trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng môi trường cảnh quan trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 5269/UBND-TH ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh về việc nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Bãi thải vật liệu thừa của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Văn bản số 5297/UBND-TH ngày 29/7/2023 của UBND tỉnh về việc nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng của Công ty Cổ phần Nguyệt Anh;

Căn cứ Văn bản số 5305/UBND-TH ngày 29/7/2023 của UBND tỉnh về việc nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để khai thác đất làm vật liệu san lấp mỏ đất 147, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Văn bản số 5306/UBND-TH ngày 29/7/2023 của UBND tỉnh về việc nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện khai thác đất làm vật liệu san lấp mỏ đất 209, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 279/TTr-SNN ngày 03/08/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình: Trồng và chăm sóc rừng trồng thay thế năm 2023 của Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn, với nội dung sau:

1. Địa điểm, diện tích trồng rừng

a) Địa điểm: Khoảnh 3, tiểu khu 329B; khoảnh 7, tiểu khu 344, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

b) Diện tích: 16,69 ha..

2. Các biện pháp kỹ thuật

a) Xử lý thực bì: Xử lý thực bì theo băng.

b) Cuốc hố kích thước: 40 x 40 x 40 cm.

c) Loài cây trồng: Thông Caribê (*Pinus caribaea*), Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis*).

d) Mật độ trồng: 1.600 cây/ha (1.066 Thông + 534 Keo).

đ) Phương thức trồng: Hỗn giao Thông + Keo (cứ 2 hàng Thông trồng xen 1 hàng Keo).

e) Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng:

- Số năm chăm sóc: 4 năm kể cả năm trồng mới.

- Số lần chăm sóc: 6 lần/ 4 năm, cụ thể: Chăm sóc năm thứ nhất (năm trồng mới): 01 lần; chăm sóc năm thứ hai: 02 lần; chăm sóc năm thứ ba: 02 lần; chăm sóc năm thứ tư: 01 lần

3. Tổng dự toán kinh phí: 1.839.223.745 đồng (Một tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm bốn năm mươi lăm đồng), trong đó:

- a) Chi phí xây dựng: 1.616.443.830 đồng.
 b) Chi phí quản lý dự án: 48.493.315 đồng.
 c) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 86.704.517 đồng.
 d) Chi phí dự phòng (5%): 87.582.083 đồng.

4. Nguồn vốn: Số tiền từ tổ chức, doanh nghiệp nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định theo chủ trương của UBND tỉnh về việc trồng rừng thay thế bằng hình thức nộp tiền khi chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể:

a) Công ty cổ phần Nguyệt Anh, diện tích 5,3 ha; kinh phí: 589.633.982 đồng (Văn bản số 5297/UBND-TH ngày 29/7/2023).

b) Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT, diện tích 7,45 ha; kinh phí: 811.258.085 đồng (Văn bản số 5269/UBND-TH ngày 27/7/2023).

c) Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT, diện tích: 1,6 ha; kinh phí: 178.002.712 đồng (Văn bản số 5305/UBND-TH ngày 29/7/2023).

d) Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT, diện tích: 2,34 ha; kinh phí 260.328.966 đồng (Văn bản số 5306/UBND-TH ngày 29/7/2023).

5. Tiến độ giải ngân: Từ năm 2023 – 2026.

TT	Nguồn vốn	Tổng số	Năm giải ngân			
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
	<u>Tổng nhu cầu vốn</u>	<u>1.839.223.745</u>	<u>920.792.850</u>	<u>433.325.617</u>	<u>400.584.392</u>	<u>84.520.886</u>
I	Chi phí xây dựng	1.616.443.830	799.895.502	386.887.316	357.358.235	72.302.777
1	Chi phí trực tiếp	1.459.213.568	722.090.275	349.255.081	322.598.271	65.269.941
	- N/công trồng, chăm sóc	1.302.247.456	626.593.099	310.858.401	299.526.015	65.269.941
	- Vật liệu	156.966.112	95.497.176	38.396.680	23.072.256	
2	Chi phí chung 5% x (1)	72.960.679	36.104.514	17.462.754	16.129.914	3.263.497
3	Thu nhập chịu thuế tính trước 5,5% x (1+2)	84.269.583	41.700.713	20.169.481	18.630.050	3.769.339
II	Chi phí quản lý dự án 3% x (I)	48.493.315	23.996.865	11.606.620	10.720.747	2.169.083
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	86.704.517	53.513.848	14.197.128	13.429.963	6.024.222
1	Chi phí thiết kế 1,74% x (I)	28.126.123	28.126.123			
2	Chi phí giám sát thi công 2,598% x (I)	41.995.211	20.781.285	10.051.332	9.284.167	1.878.426
3	Chi phí nghiệm thu, hoàn công (01/công/ha)	16.583.184	4.606.440	4.145.796	4.145.796	4.145.796
IV	Chi phí dự phòng 5% x (I+II+III)	87.582.083	43.870.279	20.634.553	19.075.447	4.024.804

6. Thời gian nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phê duyệt dự toán các tổ chức, doanh nghiệp nêu trên nộp đủ số tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo quy định.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty Cổ phần Nguyệt Anh số tiền phải nộp và thời gian nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; phối hợp với Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; Giám đốc Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Công ty Cổ phần Nguyệt Anh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh,
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP;
- Lưu: VT, K13 (15b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh